TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 718/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 01/10/2019
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Hoàng

Ông Huỳnh Phước Thuận

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm X; Địa chỉ thường trú: M, Phường T, Quận S, TP. Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn V , sinh năm Y; Địa chỉ thường trú: M, Phường T, Quận S, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Ngọc H trình bày:

Bà Phạm Ngọc H và ông Trần Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/99 ngày 04/10/1999 của UBND Phường 8, Quận 6.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 5 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông V cờ bạc, rượu bia, gây nợ nần khiến gia đình chồng và bà H phải đứng ra trả nợ phụ. Ngoài ra, ông V nhậu nhẹt say sỉn về nhà hay gây sự chửi bới, còn có lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng bà H và gia đình của bà. Khoảng đầu năm 2019 đến nay ông V thường hay chửi mắng cho bà là ăn bám và còn đuổi bà ra khỏi nhà. Bà H đã cố gắng nhẫn nhịn vì các con. Nay nhận thấy tình cảm không còn,

không thể tiếp tục chịu đựng sự xúc phạm của ông V nên bà H xin ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Trần Thanh H, sinh ngày 06/09/2001 (đã trưởng thành) và trẻ Trần Huy Ch, sinh ngày 08/6/2004, bà H xin được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Huy Ch. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Trần Văn V vắng mặt tại phiên toà, không có bản tự khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/99 ngày 04/10/1999 của UBND Phường T, Quận S thì bà Phạm Ngọc H và Ông Trần Văn V có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông V có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại Quận S, thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà H có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông Trần Văn V vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...", khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

HĐXX thấy rằng: Theo bà H thì vợ chồng sống không hạnh phúc do ông V cờ bạc gây nợ nần và nhậu nhẹt say sỉn về nhà gây sự chửi bới, không tôn trọng bà H.

Về phía ông Trần Văn V, Tòa án đã gởi thông báo thụ lý cho ông V về việc bà H có đơn yêu cầu ly hôn ông. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông V không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà H, cũng không đến Toà án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Cho thấy mối quan hệ giữa ông V và bà H đã không còn gắn bó; mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau; ông V không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía bà Phạm Ngọc H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà H là thỏa đáng.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Trần Thanh H, sinh ngày 06/09/2001 (đã trưởng thành) và trẻ Trần Huy Ch, sinh ngày 08/6/2004. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa trưởng thành là trẻ Trần Huy Ch.

Theo bà H trình bày tại phiên tòa thì cho đến nay bà vẫn đang trực tiếp nuôi hai con và đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con. Ngoài ra trẻ Ch có nguyện vọng mong muốn được sống với mẹ. Như vậy hiện nay bà H đang nuôi con ổn định nên chấp nhận yêu cầu của bà Hiền giao con chung chưa thành niên là trẻ Trần Huy Ch cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con bà H đề nghị để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Phạm Ngọc H khai không có. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà H khai không có. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Phạm Ngọc H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Cho ly hôn giữa bà Phạm Ngọc H và ông Trần Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/99 ngày 04/10/1999 của UBND Phường T, Quận S không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao cho bà Phạm Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Trần Huy Ch, sinh ngày 08/6/2004.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn V có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về chia tài sản: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Phạm Ngọc H nộp được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0010965 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
- UBND Phường T Quận S TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Minh Châu